

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 419/QĐ-UBND

*Bình Thuận, ngày 21 tháng 02 năm 2020***QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Đề án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kết luận số 973-KL/TU ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 294/TTr-SNV ngày 20 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Ngọc Hai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Phần I MỞ ĐẦU

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN:

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

2. Luật Công an nhân dân ngày 20/11/2018.

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

4. Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

5. Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

6. Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

7. Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.

8. Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

9. Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

10. Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

11. Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

12. Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 30/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

13. Kế hoạch số 129-KH/TU ngày 27/3/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện một số nhiệm vụ tại Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 30/01/2018 của Tỉnh ủy trong năm 2019.

14. Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Đề án thí điểm Khoán quỹ phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận.

15. Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận công nhận Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã.

16. Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định chế độ thù lao cho các hội có tính chất đặc thù của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN:

1. Đánh giá thực trạng bố trí đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

2. Đề xuất phương án sắp xếp, bố trí lại số lượng, chức danh cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

3. Đề xuất chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

4. Đánh giá tác động của việc thực hiện sắp xếp, bố trí lại cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

III. KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Phần I: Mở đầu.

2. Phần II: Hiện trạng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

3. Phần III: Những quy định mới của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ so với Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

4. Phần IV: Quan điểm, nguyên tắc sắp xếp.

5. Phần V: Phương án sắp xếp, bố trí chức danh cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố.

6. Phần VI: Chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

7. Phần VII: Đánh giá tác động.

8. Phần VIII: Tổ chức thực hiện.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, KHU PHỐ

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

Tỉnh Bình Thuận có 127 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 96 xã, 19 phường và 12 thị trấn; theo phân loại đơn vị hành chính thì có 80 đơn vị cấp xã loại 1, 43 đơn vị cấp xã loại 2 và 04 đơn vị cấp xã loại 3. Toàn tỉnh có 706 thôn, khu phố gồm 452 thôn và 254 khu phố¹; Riêng xã Phan Lâm, huyện Bắc Bình và xã Phan Dũng, huyện Tuy Phong là không có tổ chức thôn ở dưới xã.

Đối với cán bộ, công chức cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ để ban hành Công văn số 3803/UBND-SNV ngày 16/8/2010 hướng dẫn sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

¹ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của HĐND tỉnh về việc sáp nhập thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 - 2021, trong giai đoạn 2019 - 2021 tỉnh Bình Thuận sắp xếp còn 124 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 93 xã, 19 phường và 12 thị trấn. Tổng số thôn, khu phố giảm còn 691 thôn, khu phố, gồm 445 thôn và 246 khu phố.

Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 quy định chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

Trên cơ sở các quy định của Trung ương, của tỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố đã ổn định về số lượng, chức danh, từng bước nâng cao về chất lượng, phát huy hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu thực hiện các chủ trương, chính sách tại địa phương.

II. CÁN BỘ CẤP XÃ:

1. Chức danh:

Theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3803/UBND-SNV ngày 16/8/2010 thì cán bộ cấp xã có 10 chức danh, cụ thể:

- Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã).
- Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Chi bộ xã (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã) hoặc Thường trực Đảng ủy (nơi chưa có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng).
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Chủ tịch Hội Nông dân.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

(Đối với chức danh Chủ tịch HĐND do Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm).

2. Số lượng:

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Bí thư Đảng ủy	1	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	1	1

3	Phó Chủ tịch HĐND	1	1	1
4	Chủ tịch UBND	1	1	1
5	Phó Chủ tịch UBND	2	1	1
6	Chủ tịch Ủy ban MTTQ	1	1	1
7	Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1
9	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1
10	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1	1
	Tổng cộng	11	10	10

3. Hiện trạng bố trí:

Tính đến ngày 31/5/2019, toàn tỉnh đã bố trí 1.306 cán bộ cấp xã (trong đó có 49 cán bộ được luân chuyển từ cấp huyện về), trong tổng số 1.349 định suất, còn thiếu 43 người.

Cơ cấu chất lượng cán bộ cấp xã cụ thể như sau:

- Về trình độ văn hóa: Tiểu học 05 người, chiếm tỷ lệ 0,38%; Trung học cơ sở 68 người, chiếm tỷ lệ 5,21%; Trung học phổ thông 1.233 người, chiếm tỷ lệ 94,41%.

- Về trình độ chuyên môn: Cao đẳng, đại học trở lên 888 người, chiếm tỷ lệ 67,99%; Trung cấp 322 người, chiếm tỷ lệ 24,66%; Sơ cấp 35 người, chiếm tỷ lệ 2,68%; Chưa qua đào tạo 61 người, chiếm tỷ lệ 4,67%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 79 người, chiếm tỷ lệ 6,05%; Trung cấp 1.057 người, chiếm tỷ lệ 80,93%; Sơ cấp 150 người, chiếm tỷ lệ 11,49%; Chưa qua đào tạo 20 người, chiếm tỷ lệ 1,53%. - Về trình độ quản lý nhà nước: Cơ sở trở lên 1.187 người, chiếm tỷ lệ 90,89%; Chưa qua bồi dưỡng 119 người, chiếm tỷ lệ 9,11%.

- Tin học: Chứng chỉ trở lên 1.128 người, chiếm tỷ lệ 86,37%; Chưa qua bồi dưỡng 178 người, chiếm tỷ lệ 13,63%.

III. CÔNG CHỨC CẤP XÃ:

1. Chức danh:

Theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ thì công chức cấp xã có **07 chức danh**, cụ thể:

- Trưởng Công an xã (nơi chưa bố trí lực lượng Công an chính quy).
- Chỉ huy trưởng Quân sự.
- Văn phòng - Thống kê.

- Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); gọi chung là Địa chính - Xây dựng.

- Tài chính - Kế toán.

- Tư pháp - Hộ tịch.

- Văn hóa - Xã hội.

2. Số lượng:

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1		Cấp xã loại 2		Cấp xã loại 3	
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn
1	Trưởng công an xã	1	0	1	0	1	0
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1	1	1	1
3	Văn phòng - Thống kê	3	3	2	2	2	2
4	Địa chính - Xây dựng	3	3	2	3	2	2
5	Tài chính - Kế toán	2	2	2	2	1	1
6	Tư pháp - Hộ tịch	2	2	2	2	2	2
7	Văn hóa - Xã hội	2	3	2	2	2	2
	Tổng cộng	14	14	12	12	11	10

3. Hiện trạng bố trí:

Tính đến ngày 31/5/2019, toàn tỉnh đã bố trí 1.545 công chức cấp xã trong tổng số 1.679 định suất, còn thiếu 134 người.

Cơ cấu chất lượng công chức cấp xã cụ thể như sau:

- Về trình độ văn hóa: Trung học cơ sở 22 người, chiếm tỷ lệ 1,42%; Trung học phổ thông 1.523 người, tỷ lệ 98,58%.

- Về trình độ chuyên môn: Cao đẳng, đại học trở lên 1.128 người, chiếm tỷ lệ 73,01%; Trung cấp 409 người, chiếm tỷ lệ 26,47%; Chưa qua đào tạo 08 người, chiếm tỷ lệ 0,52%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Cử nhân, cao cấp 01 người, chiếm tỷ lệ 0,06%; Trung cấp 848 người, chiếm tỷ lệ 54,89%; Sơ cấp 596 người, chiếm tỷ lệ 38,58%; Chưa qua đào tạo 100 người, chiếm tỷ lệ 6,47%.

- Về trình độ quản lý nhà nước: Cơ sở trở lên 1.448 người, chiếm tỷ lệ 93,72%; Chưa qua bồi dưỡng 97 người, chiếm tỷ lệ 6,28%. - Tin học: Chứng chỉ A, B và trung cấp trở lên 1.499 người, chiếm tỷ lệ 97,02%; Chưa qua bồi dưỡng 46 người, chiếm tỷ lệ 2,98%.

IV. NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ:

1. Chức danh:

Theo Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố thì có 20 chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã, gồm:

- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra đảng.
- Trưởng ban Tổ chức đảng.
- Trưởng ban Tuyên giáo.
- Văn phòng Đảng ủy.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi.
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ.
- Phó Chỉ huy trưởng quân sự.
- Phó Trưởng công an.
- Công an viên thường trực.
- Quản lý Đài truyền thanh - Nhà văn hóa.
- Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ.
- Tin học.
- Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp.
- Thú y.

- Kế toán (chỉ có ở cấp xã loại 3).

Hiện nay, thực hiện theo chủ trương của Tỉnh ủy thì chức danh Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng sửa đổi thành Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, chức danh Trưởng ban Tuyên giáo sửa đổi thành Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo - Dân vận.

2. Số lượng:

Căn cứ Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh, chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 3803/UBND-SNV ngày 16/8/2010 về hướng dẫn sắp xếp, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với CBCC cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố; theo đó, số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tỉnh Bình Thuận được bố trí như sau:

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1		Cấp xã loại 2		Cấp xã loại 3	
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn
1	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy	1	1	1	1	1	1
2	Tổ chức Đảng ủy	1	1	1	1	1	1
3	Phó Trưởng ban Tuyên giáo - Dân vận	1	1	1	1	1	1
4	Văn phòng Đảng ủy	1	1	1	1	1	1
5	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	1	1	1	1	1
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1	1	1	1
7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1	1	1	1
8	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1	1	1	1

9	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1	1	1	1	1
10	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1	1	1	1	1	1
11	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	1	1	1	1	1
12	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	2	2	1	2	1	1
13	Phó Trưởng công an xã	2	0	1	0	1	0
14	Công an viên thường trực ở xã	2	0	2	0	1	0
15	Quản lý Đài truyền thanh - Nhà văn hóa	1	1	1	1	1	1
16	Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ	1	1	1	1	1	1
17	Tin học	1	1	1	1	0	1
18	Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp	1	1	1	1	1	1
19	Thú y	1	1	1	1	1	1
20	Kế toán	0	0	0	0	1	1
	Tổng cộng	22	18(*)	20	18(*)	19	18(*)

(*) Ở một số phường thuộc thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi không bố trí chức danh Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp và Thú y nên số lượng người hoạt động không chuyên trách từ 16 - 17 người.

3. Hiện trạng bố trí:

Tính đến ngày 31/5/2019, toàn tỉnh đã bố trí 2.212 người/2.573 định suất người hoạt động không chuyên trách cấp xã, còn thiếu 361 người.

Cơ cấu chất lượng của người hoạt động không chuyên trách cấp xã: - Về trình độ văn hóa: Tiểu học 28 người, chiếm tỷ lệ 1,27%; Trung học cơ sở 331 người, chiếm tỷ lệ 14,96%; Trung học phổ thông 1.853 người, chiếm tỷ lệ 83,77%.

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 474 người, chiếm tỷ lệ 21,43%; Cao đẳng 280 người, chiếm tỷ lệ 12,65%; Trung cấp 752 người, chiếm tỷ lệ 34%; Sơ cấp 106 người, chiếm tỷ lệ 4,79%; Chưa qua đào tạo 600 người, chiếm tỷ lệ 27,13%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp 523 người, chiếm tỷ lệ 23,64%; Sơ cấp 794 người, chiếm tỷ lệ 35,9%; Chưa qua đào tạo 895 người, chiếm tỷ lệ 40,46%.

- Về trình độ quản lý nhà nước: Cơ sở: 614 người, tỷ lệ 27,76%; Chưa qua đào tạo: 1.598 người, tỷ lệ 72,24%.

- Tin học: Trung cấp trở lên 10 người, tỷ lệ 0,45%; Chứng chỉ 1.085 người, tỷ lệ 49,05%; Chưa qua đào tạo: 1.117 người, tỷ lệ 50,5%.

4. Chế độ, chính sách:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ thì những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng **chế độ phụ cấp hàng tháng** với mức không vượt quá hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.

Tuy nhiên, để đảm bảo mức thu nhập cho người hoạt động không chuyên trách thì ngoài phụ cấp hàng tháng bằng 1,0 lần lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; tùy theo chức danh đảm nhiệm, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã còn được hưởng **chế độ trợ cấp bổ sung hàng tháng** theo Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của HĐND tỉnh như sau:

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng ban Tổ chức, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo – Dân vận, Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBM TTQVN, Phó Chỉ huy trưởng Quân sự, Phó Trưởng Công an, được hưởng trợ cấp bổ sung hàng tháng bằng hệ số **0,53** so với mức lương cơ sở.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh Phó các tổ chức đoàn thể: Đoàn TNCSHCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh được hưởng trợ cấp bổ sung hàng tháng bằng hệ số 0,18 so với mức lương cơ sở.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: Công an viên thường trực, Quản lý Đài truyền thanh - Nhà văn hóa; Tin học; Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ; Nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; Tài chính - Kế toán, được hưởng trợ cấp bổ sung hàng tháng bằng hệ số 0,09 so với mức lương cơ sở.

Riêng chức danh Thú y thì không được hưởng chế độ trợ cấp bổ sung hàng tháng.

Đến năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 có sửa đổi Điều 14 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, theo đó:

- Cấp xã loại 1 được khoản quỹ phụ cấp bằng 20,3 mức lương cơ sở.

- Cấp xã loại 2 được khoản quỹ phụ cấp bằng 18,6 mức lương cơ sở.

- Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 mức lương cơ sở.

Tuy nhiên, mức khoán quỹ này thấp hơn tổng mức phụ cấp đang thực hiện tại tỉnh, cụ thể:

- Cấp xã loại 1 bằng 29,75 mức lương cơ sở/22 người.

- Cấp xã loại 2 bằng 26,63 mức lương cơ sở/20 người.

- Cấp xã loại 3 bằng 25,51 mức lương cơ sở/19 người.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục thực hiện chế độ phụ cấp hàng tháng và chế độ trợ cấp bổ sung hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của HĐND tỉnh cho đến nay.

V. NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, KHU PHỐ:

1. Chức danh:

Căn cứ Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 09/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì:

- Đối với thôn: bố trí 03 chức danh: Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác mặt trận, Trưởng thôn và Công an viên.

- Đối với khu phố: bố trí 03 chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban công tác mặt trận và Trưởng khu phố.

Tuy nhiên trên thực tế một số thôn, khu phố có diện tích rộng, quy mô dân số đông nên Ban Thường vụ Tỉnh ủy có chủ trương⁽²⁾ bố trí tăng thêm định suất người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố theo quy mô số hộ, cụ thể:

- Đối với thôn có từ 150 hộ dân đến dưới 300 hộ dân, khu phố có từ 300 hộ dân đến dưới 500 hộ dân thì được bố trí thêm 01 định suất Trưởng Ban công tác mặt trận thôn hoặc Phó Trưởng khu phố.

- Đối với thôn có từ 300 hộ trở lên và khu phố có từ 500 hộ trở lên thì bố trí thêm 02 định suất gồm: Trưởng Ban công tác mặt trận thôn và Phó Trưởng thôn hoặc 02 Phó Trưởng khu phố.

Như vậy, ở mỗi thôn, khu phố tùy theo quy mô số hộ để bố trí từ 03 đến 05 chức danh không chuyên trách gồm:

² Thông báo số 50-TB/TU ngày 10/3/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Bí thư Chi bộ.
- Trưởng thôn, khu phố.
- Trưởng Ban công tác mặt trận.
- Phó Trưởng thôn, khu phố.
- Công an viên.

2. Số lượng:

Toàn tỉnh có 3.207 định suất người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố, cụ thể:

- Có 16 thôn bố trí 03 định suất.
- Có 106 thôn bố trí 04 định suất.
- Có 330 thôn bố trí 05 định suất.
- Có 34 khu phố bố trí 03 định suất.
- Có 117 khu phố bố trí 04 định suất.
- Có 103 khu phố bố trí 05 định suất.

3. Hiện trạng bố trí:

Tính đến ngày 31/5/2019, toàn tỉnh đã bố trí 3.073 người/3.207 định suất người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố. Trong đó:

Bí thư Chi bộ: 687 người/706 định suất (kể cả Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác mặt trận).

- Trưởng thôn, khu phố : 690 người/706 định suất
- Phó Trưởng thôn, khu phố : 598 người/653 định suất
- Trưởng ban công tác mặt trận: 677 người/690 định suất
- Công an viên : 421 người/452 định suất

4. Chế độ chính sách:

Theo quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, khu phố như sau:

- Đối với thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới, hải đảo; thôn thuộc xã có khó

khăn về ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính và thôn thuộc xã loại 1, xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 tháng lương tối thiểu chung.

- Đối với các thôn còn lại và các tổ dân phố được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 tháng lương tối thiểu chung.

Ở tỉnh, theo Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của HĐND tỉnh thì người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng **0,8** so với mức lương cơ sở. Ngoài ra, Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Trưởng khu phố, Trưởng Ban công tác mặt trận được hưởng phụ cấp bổ sung hàng tháng bằng **0,2** so với mức lương cơ sở.

Theo đó, tổng chi phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách thôn, khu phố kể cả 3% bảo hiểm y tế là:

- Thôn, khu phố bố trí 03 người bằng 2,87 - 3,07 lần mức lương cơ sở.
- Thôn, khu phố bố trí 04 người bằng 3,90 lần mức lương cơ sở.
- Thôn, khu phố bố trí 05 người bằng 4,72 lần mức lương cơ sở.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Mặt được:

- Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo đúng số lượng, chức danh, vị trí việc làm, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Trung ương, đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo, tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chế độ chính sách được quan tâm thực hiện đầy đủ theo các quy định của Trung ương, bên cạnh đó ở tỉnh còn có bổ sung thêm chế độ trợ cấp hàng tháng để hỗ trợ cho người lao động.

2. Những tồn tại, hạn chế:

- Việc xác định chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức cấp xã chưa được cụ thể, rõ ràng, chưa phát huy hết trách nhiệm của cán bộ, công chức chuyên trách nên có tình trạng “đẩy việc” cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Phần lớn các chức danh người hoạt động không chuyên trách chưa được quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, chế độ làm việc. Một số địa phương yêu cầu người

hoạt động không chuyên trách làm việc như cán bộ, công chức cấp xã (08 giờ/ngày, 05 ngày/tuần), nhiều địa phương giao việc như cán bộ chuyên trách là không phù hợp với tính chất hoạt động của người hoạt động không chuyên trách³).

- Chế độ phụ cấp hàng tháng của người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố còn thấp so với mặt bằng chung, trong khi thời gian làm việc thì quy định như công chức cấp xã, khi thôi việc không có chế độ trợ cấp; do đó việc bố trí các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Bản thân những người hoạt động không chuyên trách cũng không có động lực phấn đấu, không toàn tâm, toàn ý làm việc do chế độ đãi ngộ của Nhà nước không tương xứng nên đội ngũ này thường xuyên thay đổi.

- Cơ chế chi trả phụ cấp kiêm nhiệm hiện nay (4) chưa khuyến khích cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố thực hiện kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố để tinh gọn bộ máy, tăng mức thu nhập hàng tháng.

3. Nguyên nhân:

- Quy định của pháp luật còn có bất cập, nhất là đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, nhiều nội dung chưa được quy định cụ thể như tuyển chọn, chế độ đãi ngộ, chế độ làm việc, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật,...

- Việc bố trí số lượng, chức danh theo quy định của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ đến nay là không còn phù hợp, số lượng người hoạt động không chuyên trách quá đông nhưng phần lớn chưa quy định rõ nhiệm vụ của từng vị trí việc làm, khung năng lực,... dẫn đến người làm việc nhiều, người làm việc ít, hiệu quả thấp nhưng chưa có cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động. Các xã, phường, thị trấn bố trí đủ chức danh không chuyên trách theo quy định của tỉnh nhưng chưa gắn với yêu cầu nhiệm vụ cụ thể cần tập trung thực hiện ở địa phương.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung ương và ngân sách của địa phương còn hạn chế nên quy định chế độ, chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố còn thấp.

Phần III

NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2019/NĐ-CP NGÀY

³ Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) ngày 18/3/2002 có nêu: “Cán bộ không chuyên trách chỉ tham gia công việc trong một phần thời gian lao động”.

⁴ Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi được phân công kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 20% mức lương cơ sở.

24/4/2019 CỦA CHÍNH PHỦ SO VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 92/2009/NĐ-CP**I. GIẢM SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC:**

Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, cụ thể như sau:

- Cấp xã loại 1: tối đa 23 người.
- Cấp xã loại 2: tối đa 21 người.
- Cấp xã loại 3: tối đa 19 người.

Đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức giảm 01 người.

Như vậy, so với quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ thì số lượng cán bộ, công chức mỗi xã, phường, thị trấn **giảm 02 người**.

II. ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ:**1. Giảm số lượng:**

Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau:

- Cấp xã loại 1: tối đa 14 người (giảm 08 người).
- Cấp xã loại 2: tối đa 12 người (giảm 08 người).
- Cấp xã loại 3: tối đa 10 người (giảm 09 người).

Như vậy, so với quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ thì số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã **giảm từ 08 - 09 người**.

2. Quy định mức khoán quỹ phụ cấp:

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau:

- Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở.
- Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở.

- Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

III. ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, KHU PHỐ:

1. Số lượng:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn, khu phố; Trưởng Ban công tác mặt trận. Người tham gia công việc ở thôn, khu phố ngoài 03 chức danh nêu trên không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, khu phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

2. Khoán quỹ phụ cấp:

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, khu phố. Riêng đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới hoặc hải đảo được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 lần mức lương cơ sở.

Phần IV

QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

I. QUAN ĐIỂM:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm việc sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ. Sau sắp xếp thì số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố phải bằng hoặc thấp hơn quy định. Nơi nào bố trí công an chính quy thì phải giảm số công chức tương ứng.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đề cao trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu chính quyền các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo sắp xếp đội ngũ, thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

3. Tuyên truyền, phổ biến sâu kỹ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách

cấp xã, ở thôn, khu phố, tạo sự nhất trí trong đảng, đồng thuận trong đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở.

4. Quá trình thực hiện sắp xếp phải gắn với tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại cơ sở, chất lượng đội ngũ thông qua việc lựa chọn, bố trí cán bộ, công chức đủ tiêu chuẩn, có năng lực công tác; đẩy mạnh thực hiện cơ chế khoán quỹ lương, tạo điều kiện để phát huy năng lực, nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

5. Những trường hợp dôi dư qua sắp xếp, các địa phương rà soát, bố trí công tác khác phù hợp, trong đó các trường hợp đủ điều kiện, năng lực chuyên môn thì xem xét, bố trí tại các cơ quan cấp huyện; bố trí tại các xã lân cận. Trường hợp không bố trí được công tác khác thì giải quyết thôi việc bảo đảm chế độ, chính sách; tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện.

II. NGUYÊN TẮC:

1. Việc bố trí số lượng, chức danh cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố ngoài thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ còn phải phù hợp với các quy định khác có liên quan như: Điều lệ của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, Luật Công an nhân dân,...

2. Bố trí đúng số lượng, đủ chức danh cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Trung ương và yêu cầu quản lý ở địa phương; Phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Xác định trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã để bố trí người hoạt động không chuyên trách phù hợp theo số lượng bằng hoặc thấp hơn quy định của Trung ương; khắc phục tình trạng người hoạt động không chuyên trách làm thay nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã.

4. Đối với những công việc ở cấp xã có bố trí cán bộ, công chức thì không bố trí chức danh người hoạt động không chuyên trách, trừ những chức danh thật sự cần thiết.

5. Khuyến khích thực hiện kiêm nhiệm chức danh ở cấp xã để giảm số người làm việc, giảm chi phí và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Mỗi người chỉ được kiêm nhiệm thêm một chức danh; Khi thực hiện chế độ kiêm nhiệm phải xác định chức danh đảm nhận chính, sau đó xác định chức danh kiêm nhiệm, người kiêm nhiệm phải đảm bảo thực hiện cả 02 nhiệm vụ.

6. Thực hiện chế độ khoán quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố. Việc giải quyết các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố phải bảo đảm tính kế thừa, ổn định, không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý người lao động và nguyên tắc tài chính theo quy định của pháp luật.

Phần V

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ CHỨC DANH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, Ở THÔN, KHU PHỐ

I. CÁN BỘ CẤP XÃ:

Theo quy định của Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì số lượng cán bộ, công chức ở mỗi xã, phường, thị trấn giảm 02 người. Tuy nhiên, quy định chức danh và số lượng cán bộ cấp xã hiện nay của tỉnh là phù hợp với quy định của Trung ương và yêu cầu trong công tác quản lý của địa phương, vì vậy **giữ nguyên chức danh, số lượng như hiện nay.**

1. Chức danh:

- Có **10 chức danh**, cụ thể:
- Bí thư Đảng ủy.
- Phó Bí thư Đảng ủy.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Chủ tịch Hội Nông dân.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- (Đối với chức danh Chủ tịch HĐND do Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm).

2. Số lượng (bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã):

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Bí thư Đảng ủy	1	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy	1	1	1
3	Phó Chủ tịch HĐND	1	1	1
4	Chủ tịch UBND	1	1	1
5	Phó Chủ tịch UBND	2	1(5)	1
6	Chủ tịch Ủy ban MTTQ	1	1	1
7	Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1
9	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1
10	Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1	1
	Tổng cộng	11	10	10

II. CÔNG CHỨC CẤP XÃ:

1. Chức danh: Giữ nguyên 07 chức danh. Đối với các phường, thị trấn và các xã bố trí Trưởng Công an chính quy thì số lượng công chức giảm 01 người so với quy định.

- Trưởng Công an xã (nơi chưa bố trí Công an chính quy).
- Chỉ huy trưởng Quân sự.
- Văn phòng - Thống kê.
- Địa chính - Xây dựng.
- Tài chính - Kế toán.
- Tư pháp - Hộ tịch.
- Văn hóa - Xã hội.

2. Số lượng:

Do đã giữ nguyên số lượng cán bộ cấp xã nên công chức cấp xã phải giảm từ 02 đến 03 người tùy từng phân loại đơn vị hành chính cho phù hợp với số lượng theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

2.1. Nguyên tắc giảm số lượng công chức:

- Đảm bảo mỗi chức danh công chức đều có người đảm nhận để thực hiện nhiệm vụ. Người được bố trí làm công chức phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ.

- Các chức danh: Văn hóa - Xã hội, Địa chính - Xây dựng, Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê có thể bố trí từ 01 người trở lên.

- Xem xét giảm số lượng công chức ở những lĩnh vực ít liên quan trực tiếp đến giải quyết công việc, thủ tục hành chính cho người dân và tổ chức⁵.

2.2. Số lượng công chức cấp xã (bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã) cơ cấu theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính như sau:

a) Cấp xã loại 1: Bố trí 12 người, ở những xã có công an chính quy, phường, thị trấn thì bố trí 11 người. Số lượng dự kiến như sau:

STT	Chức danh	Hiện nay (Bố trí theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP)		Phương án bố trí theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP	
		Xã	Phường, Thị trấn	Xã	Phường, Thị trấn
1	Trưởng công an xã	1	0	1	0
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1	1
3	Văn phòng - Thống kê	3	3	2	2
4	Địa chính - Xây dựng	3	3	3	3
5	Tài chính - Kế toán	2	2	1	1
6	Tư pháp - Hộ tịch	2	2	2	2
7	Văn hóa - Xã hội	2	3	2	2
	Tổng cộng	14	14	12	11

- Đối với xã: Giảm 02 người, cụ thể:

Hiện nay ở cấp xã loại 1, các chức danh Văn phòng - Thống kê và Địa chính - Xây dựng đang bố trí 03 người, có nhiều hơn các chức danh khác; công chức Tài chính - Kế toán bố trí 2 người. Qua rà soát các công việc và thủ tục hành chính ở địa phương, đề án chọn giảm công chức Văn phòng - Thống kê và Tài chính - Kế toán là phù hợp do:

+ Giảm 01 công chức Văn phòng - Thống kê: Công chức Địa chính - Xây dựng có khối lượng giải quyết thủ tục hành chính tương đối nhiều, nhiệm vụ công tác thuộc nhiều lĩnh vực đòi hỏi chuyên môn khác nhau (Quản lý đất đai, xây dựng, môi trường,

⁵ TTHC do công chức Văn phòng - Thống kê phụ trách là 32 thủ tục, chiếm tỷ lệ 23,7%; TTHC do công chức Địa chính - Xây dựng phụ trách là 19 thủ tục, chiếm tỷ lệ 14,07%; TTHC do công chức Tài chính - Kế toán phụ trách là 09 thủ tục, chiếm tỷ lệ 6,67%; TTHC do công chức Tư pháp - Hộ tịch phụ trách là 43 thủ tục, chiếm tỷ lệ 31,86%; TTHC do công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách là 32 thủ tục, chiếm tỷ lệ 23,7%.

nông nghiệp), tính chất công việc phức tạp hơn so với công chức Văn phòng - Thống kê. Do đó, giữ nguyên số lượng công chức Địa chính - Xây dựng.

+ Giảm 01 công chức Tài chính - Kế toán: Chức danh này có số lượng thủ tục hành chính tương đối ít so với các chức danh công chức khác (09 thủ tục), khối lượng giải quyết thủ tục hành chính của chức danh Tài chính - Kế toán có tỷ lệ thấp nhất trong số các chức danh công chức cấp xã⁶ (trừ chức danh Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Quân sự do đặc thù). Bên cạnh đó, nhiệm vụ thu ngân sách của công chức Tài chính - Kế toán hiện nay đã được giảm tải khối lượng do công tác thu thuế đã được bố trí cán bộ ngành thuế, ủy nhiệm thu (Bưu điện,...).

Riêng đối với các chức danh Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội do có số lượng thủ tục hành chính, khối lượng hồ sơ giải quyết nhiều, nhiệm vụ thực hiện ở 02 lĩnh vực khác nhau nên giữ nguyên số lượng 02 người là phù hợp.

- Đối với phường, thị trấn: giảm 03 người, cụ thể:

+ Giảm 01 công chức Văn phòng - Thống kê, 01 công chức Tài chính - Kế toán (cơ sở giảm như giải trình giảm đối với xã nêu trên).

+ Giảm thêm 01 công chức Văn hóa - Xã hội đối với phường, thị trấn: Do trước đây chức danh công chức ở xã loại 1 gồm 14 người (không bao gồm công an chính quy), các phường, thị trấn có bố trí công an chính quy đã bố trí thêm 01 công chức Văn hóa - Xã hội. Hiện nay Trung ương quy định ở những nơi bố trí công an chính quy phải giảm thêm 01, vì vậy giảm 01 công chức Văn hóa - Xã hội cho phù hợp với quy định.

b) Cấp xã loại 2: Hiện nay Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội thông qua, dự kiến có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2020. Theo đó, quy định đối với cấp xã loại 2 sẽ được bố trí không quá 02 Phó Chủ tịch UBND (loại 1, loại 3 bố trí giống như hiện nay), như vậy sẽ phải giảm thêm 01 chức danh công chức để bố trí tăng thêm 01 chức danh Phó Chủ tịch UBND. Căn cứ quy mô, tính chất, khối lượng công việc của từng chức danh, để chủ động trong việc bố trí khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương có hiệu lực thi hành gắn với đảm bảo số lượng cán bộ, công chức phù hợp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; Số lượng dự kiến như sau:

Bố trí 10 người, ở những xã có công an chính quy, phường, thị trấn thì bố trí 09 người, giảm chức danh 01 công chức Tài chính - Kế toán, 01 công chức Địa chính - Xây dựng và 01 công chức Văn hóa - Xã hội.

⁶ Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận năm 2018 và 09 tháng đầu năm 2019: Lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch có 682.524 hồ sơ; Lĩnh vực Địa chính - Xây dựng có 33.713 hồ sơ; Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội có 8.186 hồ sơ; Lĩnh vực Văn phòng - Thống kê có 1.458 hồ sơ; Lĩnh vực Tài chính - Kế toán có 0 hồ sơ.

Dự kiến bố trí như sau:

STT	Chức danh	Hiện nay (Bố trí theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP)		Phương án bố trí theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP	
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn
1	Trưởng công an xã	1	0	1	0
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1	1
3	Văn phòng - Thống kê	2	2	2	2
4	Địa chính - Xây dựng	2	3	2	2
5	Tài chính - Kế toán	2	2	1	1
6	Tư pháp - Hộ tịch	2	2	2	2
7	Văn hóa - Xã hội	2	2	1	1
	Tổng cộng	12	12	10	9

- Đối với xã:

+ Giảm 01 công chức Tài chính - Kế toán (cơ sở giảm như giải trình giảm đối với xã loại 1 nêu trên).

+ Giảm 01 công chức Văn hóa - Xã hội: Hiện nay, đơn vị hành chính cấp xã loại 2 có 43 đơn vị (cấp xã loại 1 có 80 đơn vị, loại 3 có 04 đơn vị); căn cứ quy mô, tính chất và khối lượng hồ sơ giải quyết hành chính cho tổ chức, cá nhân thì các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng và Tư pháp - Hộ tịch cần phải bố trí 02 người để đáp ứng nhu cầu công việc, do đó, giảm chức danh Văn hóa - Xã hội là phù hợp.

- Đối với phường, thị trấn: Giảm 02 người, cụ thể:

+ Giảm 01 công chức Tài chính - Kế toán; 01 công chức Văn hóa - Xã hội (cơ sở giảm như đối với xã nêu trên).

+ Giảm 01 công chức Địa chính - Xây dựng: Do trước đây chức danh công chức ở xã loại 2 gồm 12 người (không bao gồm công an chính quy), các phường, thị trấn có bố trí công an chính quy đã bố trí thêm 01 công chức Địa chính - Xây dựng. Hiện nay Trung ương quy định ở những nơi bố trí công an chính quy phải giảm thêm 01 nên giảm 01 công chức Địa chính - Xây dựng cho phù hợp với quy định.

c) *Cấp xã loại 3*: Bố trí 09 người, ở những xã có công an chính quy thì bố trí 08 người. Số lượng dự kiến như sau:

STT	Chức danh	Hiện nay (Bố trí theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP)		Phương án bố trí theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP	
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn
1	Trưởng công an xã	1	0	1	0
2	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1	1	1
3	Văn phòng - Thống kê	2	2	2	2
4	Địa chính - Xây dựng	2	2	2	2
5	Tài chính - Kế toán	1	1	1	1
6	Tư pháp - Hộ tịch	2	2	1	1
7	Văn hóa - Xã hội	2	2	1	1
	Tổng cộng	11	10	9	8

- Giảm 01 công chức Tư pháp - Hộ tịch và 01 công chức Văn hóa - Xã hội, lý do:

+ Công chức Tài chính - Kế toán hiện tại đã bố trí 01, không thể giảm.

+ Công chức Địa chính - Xây dựng: Việc đề xuất không giảm giống như phân tích ở cấp xã loại 1. Đồng thời, ở cấp xã loại 3 hiện có 04 xã, phường, thị trấn gồm xã Phong Nẫm, phường Xuân An, thành phố Phan Thiết; phường Tân Thiện, thị xã La Gi và thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân.

Đây đều là những đơn vị hành chính có mật độ dân số cao, tốc độ phát triển đô thị diễn ra nhanh, phần nào tạo áp lực công việc đối với công chức Địa chính - Xây dựng. Do đó, giữ nguyên số lượng.

+ Công chức Văn phòng - Thống kê: Văn phòng, thống kê, tổ chức, nhân sự, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc và thanh niên. Đồng thời, hiện nay tỉnh đang chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”, UBND cấp xã phải bố trí 01 công chức Văn phòng - Thống kê làm công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính; do đó chỉ còn 01 công chức Văn phòng - Thống kê để thực hiện các nhiệm vụ khác (tổng hợp, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính,...). Do đó, cần phải bố trí 02 công chức để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, không thể giảm ở chức danh này.

2.3. Nhiệm vụ, tiêu chuẩn của công chức cấp xã:

Chức năng, nhiệm vụ của công chức cấp xã thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 6/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo chức năng tham mưu lĩnh vực, chuyên ngành quản lý nhà nước có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh quy định cụ thể trình độ, chuyên ngành đào tạo, yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ đối với từng chức danh công chức cấp xã.

Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp các địa phương xây dựng kế hoạch cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo tiêu chuẩn chức danh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ công chức cấp xã.

III. SẮP XẾP NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ:

Căn cứ số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ thì dự kiến bố trí số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã như sau:

1. Chức danh:

a) Đối với 04 chức danh thuộc khối đảng:

Cơ cấu lại 04 chức danh thuộc khối đảng thành 02 chức danh mới để giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo số lượng quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, 02 chức danh mới vẫn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác đảng:

- Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy.
- Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy.

b) Đối với 05 chức danh thuộc khối mặt trận, đoàn thể:

Giữ nguyên 05 chức danh thuộc khối mặt trận, đoàn thể để giữ ổn định đội ngũ cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở.

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

c) Đối với 02 chức danh Hội:

Giảm 02 chức danh Chủ tịch Hội Người cao tuổi và Chủ tịch Hội Chũ thập độ, tổ chức và hoạt động của 02 tổ chức Hội này vẫn thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ, chỉ chuyển biên chế từ người hoạt không chuyên trách sang hoạt động như các Hội có tính chất đặc thù⁷⁾ (tương tự như Hội Khuyến học). Do đó, không ảnh hưởng đến hoạt động của các Hội; Đồng thời, thực hiện thống nhất theo Đề án đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với các hội quần chúng theo Kế luận số 102-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

d) Đối với 09 chức danh thuộc khối chính quyền:

* Giảm 04 chức danh đã có bố trí công chức phụ trách, chuyển nhiệm vụ cho công chức chuyên môn đảm nhận, gồm:

- Quản lý Đài truyền thanh - Nhà văn hóa (chuyên cho công chức Văn hóa - Xã hội, phụ trách văn hóa).

- Thú y: Hiện nay nhiệm vụ chức danh Thú y không thường xuyên và ít, đồng thời quy mô các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tương đối nhỏ, lẻ; do đó, giảm chức danh Thú y và chuyển nhiệm vụ chức danh Thú y sang chức danh Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp.

- Tài chính - Kế toán (đã có công chức Tài chính - Kế toán đảm nhiệm). - Tin học: Trước đây, do lực lượng cán bộ, công chức cấp xã có khả năng, trình độ kiến thức về tin học còn hạn chế, đa số chưa đạt chuẩn, việc bố trí chức danh Tin học để hỗ trợ cán bộ, công chức trong việc tiếp cận công nghệ thông tin. Hiện nay, tỷ lệ đạt chuẩn về tin học của cán bộ, công chức cấp xã đã được nâng cao (tỷ lệ đạt chuẩn là 86,76%). Do đó, giảm chức danh Tin học cho để đảm bảo số lượng cắt giảm người hoạt động không chuyên trách theo quy định cũng như so với tình hình thực tế là phù hợp.

* Giữ nguyên 05 chức danh:

- Phó Chỉ huy trưởng Quân sự: Đổi tên thành Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự để phù hợp với quy định hiện nay.

- Phó Trưởng Công an: Hiện nay tỉnh đang xây dựng Đề án điều động công an chính quy đảm nhận các chức danh công an xã, lộ trình dự kiến đến năm 2021 sẽ hoàn thành việc bố trí Công an chính quy tại các xã trên địa bàn tỉnh. Do đó, trong thời gian

⁷⁾ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cấp huyện, cấp xã và Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ thù lao cho các hội có tính chất đặc thù của tỉnh.

chờ triển khai thực hiện Đề án Điều động công an chính quy, tiếp tục giữ nguyên chức danh Phó Trưởng Công an để đảm bảo tốt hoạt động của lực lượng Công an xã.

- Công an viên: Tương tự chức danh Phó Trưởng Công an.

- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ: Do chức danh này có vị trí quan trọng, làm việc như công chức xã (08 giờ/ngày).

- Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp: Hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp phổ biến hầu hết ở tất cả các đơn vị hành chính cấp xã, do đó cần tiếp tục bố trí chức danh này (tiếp nhận thêm nhiệm vụ của chức danh Thú y).

Như vậy, sau khi sắp xếp còn lại 12 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm:

- Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy.
- Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo - Dân vận.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự.
- Phó Trưởng Công an.
- Công an viên thường trực.
- Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ.
- Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp.

2. Số lượng:

a) Đối với cấp xã loại 1:

Mỗi chức danh bố trí 01 người. Chức danh Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự⁸ và Công an viên xã được bố trí 02 người.

b) Đối với cấp xã loại 2: Mỗi chức danh bố trí 01 người.

c) Đối với cấp xã loại 3:

⁸ Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ

- Phường Xuân An - thành phố Phan Thiết, phường Tân Thiện - thị xã La Gi và thị trấn Tân Minh - huyện Hàm Tân đã bố trí Công an chính quy nên không bố trí chức danh Phó Trưởng Công an xã và Công an viên thường trực. Các chức danh còn lại được bố trí mỗi chức danh 01 người.

- Xã Phong Nẫm - thành phố Phan Thiết, trong thời gian chờ triển khai thực hiện Đề án điều động Công an chính quy, thì được bố trí 01 Phó Trưởng Công an xã. Thực hiện kiêm nhiệm 01 trong 05 chức danh Mặt trận và đoàn thể.

d) Dự kiến bố trí:

Như vậy, sau khi sắp xếp còn lại 12 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nếu bố trí Công an chính quy thì giảm chức danh Phó Trưởng Công an và Công an viên:

STT	Chức danh	Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Tổ chức - Kiểm tra	1	1	1
2	Văn phòng - Tuyên giáo - Dân vận	1	1	1
3	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1	1	4 (thực hiện kiêm nhiệm 01 chức danh ⁹)
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	
6	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	
7	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1	
8	Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự	2	1	1
9	Phó Trưởng Công an	1	1	1
10	Công an viên	2	1	0
11	Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ	1	1	1

⁹ Hiện nay toàn tỉnh chỉ có 04 xã loại 3. Việc kiêm nhiệm do các địa phương xem xét, quyết định tùy theo đặc thù, tình hình thực tế, không nhất thiết phải thực hiện kiêm nhiệm trong cùng khối (VD: người hoạt động không chuyên trách khối nhà nước có thể kiêm nhiệm khối mặt trận, đoàn thể;...).

12	Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp	1	1	1
	Tổng cộng	14	12	10

IV. SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, KHU PHỐ:

1. Các chức danh theo quy định:

Mỗi thôn, khu phố được bố trí 03 người hoạt động không chuyên trách, gồm các chức danh sau:

- Bí thư chi bộ.
- Trưởng thôn, khu phố.
- Trưởng Ban công tác mặt trận.

2. Bố trí các chức danh khác:

Theo kết quả rà soát thì toàn tỉnh có 551 thôn, khu phố có từ 300 hộ gia đình trở lên (trong đó đã bao gồm 103 khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên). Việc quản lý ở các thôn, khu phố có số lượng dân cư đông là rất khó khăn. Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP¹⁰, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và thực tiễn yêu cầu công tác quản lý, an ninh trật tự ở địa bàn thôn, khu phố tại tỉnh ta; do vậy xem xét bố trí thêm định suất người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu phố như sau:

- Phó Trưởng thôn, khu phố:
- + Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự, thôn thuộc xã đảo thì được bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn¹¹.
- + Khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên thì được bố trí 01 Phó Trưởng khu phố¹².

¹⁰ Ngoài 03 chức danh Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận; ở thôn, tổ dân phố có thể bố trí thêm người làm việc không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có).

¹² Có 334 thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới, hải đảo

¹³ Có 103 khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên

- Công an viên ở thôn 13: Bố trí 01 định suất Công an viên ở tất cả các thôn (452 thôn).

Theo đó, thì toàn tỉnh sẽ có 437 Phó Trưởng thôn, khu phố và 452 Công an viên thôn.

- Ngoài các chức danh nêu trên, tùy theo tình hình cụ thể các địa phương có thể bố trí thêm người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố.

Phần VI

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, KHU PHỐ

I. KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP:

1. Ở cấp xã:

Hiện nay, người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng khoản quỹ phụ cấp là 1,0 so với mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 92/2009 và trợ cấp bổ sung theo Nghị quyết số 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của HĐND tỉnh ở các mức 0,53¹⁴; 0,18¹⁵ và 0,09¹⁷.

Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì mức khoản quỹ phụ cấp cho tất cả các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã lần lượt bằng 16,0/14 người; 13,7/12 người; 11,4/10 người lần mức lương cơ sở đối với các phân loại đơn vị hành chính loại 1, 2, 3, mức khoản này bao gồm phụ cấp, hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế (UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

Như vậy, mức phụ cấp hiện nay của người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã cao hơn quy định của Trung ương. Tuy nhiên, nếu thực hiện mức phụ cấp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì sẽ không đảm bảo mức thu nhập, đời sống cho người hoạt động không chuyên trách (sẽ thấp hơn mức hiện nay). Do đó, tiếp tục thực hiện chế độ chính sách cho người hoạt động không chuyên trách bằng với quy định hiện nay; trong

¹⁴ Thực hiện như Nghị quyết 92/2010/NQ-HĐND ngày 30/6/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

¹⁵ Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng ban Tổ chức, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo - Dân vận, Văn phòng Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Chỉ huy phó Quân sự, Phó Trưởng Công an.

¹⁶ Phó các tổ chức đoàn thể: Đoàn TNCSHCM, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

¹⁷ Công an viên thường trực, Quản lý Đài truyền thanh - Nhà văn hóa; Tin học; Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ; Nông - lâm - ngư - diêm nghiệp; Tài chính - Kế toán.

đó có điều chỉnh mức phụ cấp cho một số chức danh cụ thể cho phù hợp với nhiệm vụ mới. Cụ thể như sau:

a) Mức hưởng phụ cấp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP cho từng chức danh:

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy, Văn phòng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN, Phó Trưởng Công an xã, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự xã, Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ được hưởng mức **phụ cấp là 1,05 so với mức lương cơ sở**. - Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM, Phó Chủ tịch Hội LHPN, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Công an viên thường trực xã, Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp được hưởng mức **phụ cấp là 0,9** so với mức lương cơ sở.

b) Mức trợ cấp bổ sung:

Ngoài mức phụ cấp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, để bảo đảm thu nhập cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, khu phố, thực hiện hỗ trợ thêm cho từng chức danh như sau:

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy, cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBMTTQVN, Phó Trưởng Công an, Chỉ huy phó quân sự xã, Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ, được hưởng trợ cấp bổ sung hàng tháng là 0,48 so với mức lương cơ sở. Trong nhóm này mức phụ cấp và trợ cấp của chức danh Văn thư - Lưu trữ - thủ quỹ tăng từ 1,09 (hiện nay) lên 1,53 do chức danh Văn thư - lưu trữ - Thủ quỹ hiện nay ngoài các công việc theo chức danh được giao phải thực hiện thêm nhiệm vụ theo dõi, quản lý, phát hành văn bản trên phần mềm quản lý văn bản, hỗ trợ công việc cho công chức Văn phòng - Thống kê.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh: Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM, Phó Chủ tịch Hội LHPN, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Công an viên thường trực xã được hưởng mức **trợ cấp bổ sung hàng tháng là 0,28** lần mức lương cơ sở. Trong nhóm này, có chức danh Công an viên thường trực xã được tăng mức phụ cấp và trợ cấp từ 1,09 lên 1,18 do Công an viên thường trực xã phải thực hiện nhiệm vụ thường xuyên do đó, cần xem xét tăng tổng mức phụ cấp.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đảm nhận các chức danh Nông - Lâm - Ngư - Diêm nghiệp được hưởng mức trợ cấp bổ sung hàng tháng là 0,19 lần mức lương cơ sở (tổng mức phụ cấp và trợ cấp là 1,09 như hiện nay).

(Như vậy, tổng mức phụ cấp và trợ cấp bổ sung mới bằng với mức hiện nay. Riêng chức danh Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ và Công an viên thường trực được hưởng mức phụ cấp và trợ cấp bổ sung hàng tháng cao hơn với mức hiện hưởng).

c) Mức khoán quỹ phụ cấp:

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp (bao gồm phụ cấp theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và mức trợ cấp bổ sung của tỉnh) để chi trả hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã **bằng mức chi hiện nay** cộng với chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, cụ thể như sau:

- Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng **21,26** mức lương cơ sở. Trong đó, ngân sách đảm bảo theo quy định là 16,0 lần mức lương cơ sở và ngân sách tỉnh hỗ trợ 5,26 lần mức lương cơ sở.

- Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng **18,21** mức lương cơ sở. Trong đó, ngân sách đảm bảo theo quy định là 13,7 lần mức lương cơ sở và ngân sách tỉnh hỗ trợ 4,51 lần mức lương cơ sở.

- Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng **16,10** mức lương cơ sở, Trong đó, ngân sách đảm bảo theo quy định là 11,4 lần mức lương cơ sở và ngân sách tỉnh hỗ trợ 4,70 lần mức lương cơ sở.

(Mức khoán quỹ phụ cấp nêu trên bao gồm 14% bảo hiểm xã hội và 3% bảo hiểm y tế).

2. Ở thôn, khu phố:

2.1. Mức hưởng phụ cấp:

a) Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP quy định mức khoán quỹ phụ cấp các chức danh không chuyên trách ở thôn (Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, khu phố và Trưởng Ban công tác mặt trận) cụ thể như sau:

- Thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên và thôn thuộc xã hải đảo, biên giới được khoán quỹ phụ cấp 5,0 lần mức lương cơ sở, tương đương mỗi chức danh hưởng 1,66 lần mức lương cơ sở.

- Các thôn, khu phố còn lại thực hiện khoán quỹ phụ cấp 3,0 lần mức lương cơ sở, tương đương mỗi chức danh được hưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

b) Qua rà soát, có 334 thôn¹⁶ (bao gồm thôn có có từ 350 hộ trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự; thôn thuộc xã hải đảo, biên giới) được khoán quỹ phụ cấp là 5,0; có 372 thôn, khu phố được khoán quỹ phụ cấp là 3,0.

Mức khoán trên được chi cho 03 chức danh mỗi thôn, khu phố. Nếu thực hiện mức khoán này thì ngân sách Nhà nước phải chi cho người hoạt động không chuyên trách trong toàn tỉnh mỗi tháng là: **2.786 lần lương cơ sở**. Trong đó người cao nhất là: 1,66, người thấp nhất là: 1,0.

c) Theo quy định tại Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP (bổ sung Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP) thì “UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp của từng chức danh”. Do Đề án dự kiến bố trí tăng thêm chức danh Phó Trưởng thôn, khu phố và bố trí thêm 1 Công an viên thôn, nên phương án phân bổ thực hiện như sau:

- Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở các thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên và thôn thuộc xã hải đảo, biên giới được hưởng phụ cấp bằng 1,20 lần lương cơ sở (tăng hơn hiện nay 0,20 lần lương cơ sở).

- Các thôn, khu phố còn lại thực hiện khoán quỹ phụ cấp 3,0 lần mức lương cơ sở, tương đương mỗi chức danh được hưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

- Phó Trưởng thôn, khu phố, Công an viên thôn được hỗ trợ mức bồi dưỡng bằng 0,8 lần lương cơ sở.

- Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố ngoài các chức danh nêu trên: Căn cứ vào các khoản thu từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác (nếu có), Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể tùy theo tình hình cụ thể trên địa bàn để thực hiện việc chi trả tiền bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, khu phố bằng với mức công tác phí được quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và không được cao hơn mức quy định của tỉnh.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố không thuộc đối tượng mua bảo hiểm y tế bắt buộc (cán bộ hưu trí, người đang hưởng chế độ bảo hiểm xã hội...) thì được ngân sách hỗ trợ mua bảo hiểm y tế, mức mua bảo hiểm y tế bằng mức mua tự nguyện của Luật Bảo hiểm y tế.

¹⁶ Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên: 275 thôn (trong đó bao gồm 127 thôn thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự, 12 thôn thuộc xã hải đảo, biên giới); thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự: 186 thôn (trong đó bao gồm 10 thôn thuộc xã hải đảo, biên giới); thôn thuộc xã hải đảo, biên giới: 13 thôn.

2.2. Trợ cấp bổ sung:

Người hoạt động không chuyên trách ở khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên đảm nhận các chức danh Bí thư chi bộ, Trưởng khu phố, Trưởng ban Công tác Mặt trận được hưởng mức trợ cấp bổ sung hàng tháng bằng 0,2 lần so với mức lương cơ sở¹⁹.

II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KIÊM NHIỆM CHỨC DANH:

1. Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa 17 thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm gồm: 50% mức lương (bậc 1), cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo (nếu có) của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân) cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm. Mức phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương bậc 1, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức danh kiêm nhiệm).

2. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 và Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách như sau:

- Trường hợp cán bộ, công chức kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách thì mức phụ cấp do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cùng cấp quy định.

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Trên cơ sở vận dụng Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án thí điểm khoán quỹ phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố thì mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh là 70% tổng mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm¹⁸; do đó, Đề án dự kiến như sau: Cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố được cơ quan có thẩm quyền quyết định kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác thì kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% tổng mức phụ cấp của chức danh đó.

²⁰ Loại 1: tối đa 23 người; loại 2: tối đa 21 người; loại 3: tối đa 19 người.

¹⁹ Mức kiêm nhiệm đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 706-KL/TU ngày 25/3/2019.

Ví dụ: Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự được cơ quan có thẩm quyền quyết định kiêm nhiệm chức danh Phó Bí thư Đoàn thanh niên thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng $70\% \times 1,18 \times$ mức lương cơ sở.

3. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm chức danh khác phải đảm bảo yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu chức danh kiêm nhiệm có quy định cụ thể) và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc, thời gian để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính và nhiệm vụ kiêm nhiệm.

4. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

III. KHOẢN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI Ở CẤP XÃ:

Thực hiện theo Nghị quyết hàng năm của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức chi hoạt động cho các đơn vị cấp tỉnh và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cấp dưới (năm 2020 thực hiện theo Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND ngày 02/12/2019).

IV. CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ THÔI VIỆC DÔI DƯ:

1. Xác định số lượng công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư:

Theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì cán bộ, công chức mỗi xã, phường, thị trấn sẽ giảm 02 người; người hoạt động không chuyên trách cấp xã sẽ giảm từ 08-09 người, do đó, số công chức người hoạt động không chuyên trách cấp xã giảm so với số lượng thực tế đã bố trí như sau:

- Số lượng công chức cấp xã giảm: Hiện toàn tỉnh đã bố trí 1.545 người; triển khai Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì sẽ giảm 134 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã giảm: Hiện toàn tỉnh đã bố trí 2.212 người; triển khai Nghị định số 34/2019/NĐ-CP thì sẽ giảm 536 người.

Phương án bố trí dôi dư, chế độ hỗ trợ thôi việc (bao gồm các trường hợp dôi dư qua triển khai sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã và thôn, khu phố, bố trí Công an chính quy):

2.1. Phương án bố trí:

Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau khi sắp xếp sẽ được thực hiện theo các hướng sau:

Trường hợp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã có bằng cấp, trình độ phù hợp để đảm nhận chức danh khác còn khuyết trong cùng một

đơn vị hành chính cấp xã thì được bố trí ở chức danh này hoặc bố trí ở các xã, phường, thị trấn lân cận.

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn để xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên thì các địa phương thực hiện quy trình đề nghị xét chuyển để bố trí tại các cơ quan, đơn vị còn biên chế và có nhu cầu.

Cán bộ, công chức dôi dư nêu trên do không bố trí được thì giải quyết chính sách theo quy định hiện hành; người hoạt động không chuyên trách dôi dư thì giải quyết theo chính sách do HĐND tỉnh ban hành.

2.2 Chế độ hỗ trợ thôi việc:

a) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố:

Theo phương án đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại Kết luận số 706-KL/TU ngày 25/3/2019, UBND tỉnh đã ban hành Đề án thí điểm khoán quỹ phụ cấp và kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố tỉnh Bình Thuận 19 thì người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố dôi dư do thực hiện sắp xếp lại bộ máy, nhân sự được hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc như sau:

- Cứ mỗi năm công tác được hưởng chế độ hỗ trợ thôi việc bằng một lần mức trợ cấp hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm hiện hưởng (nếu có). Trong trường hợp quá trình công tác ở cấp xã đã đảm nhận nhiều chức danh không chuyên trách khác thì thời gian công tác được cộng dồn để tính hỗ trợ thôi việc. Mức hỗ trợ thôi việc thấp nhất bằng 01 lần trợ cấp hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm hiện hưởng (nếu có).

- Nếu thời gian tính chế độ thôi việc có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 03 tháng thì không tính, từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm, từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn 01 năm.

b) Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

- Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ, cụ thể:

+ Tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

²² Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của UBND tỉnh

+ Giải quyết chế độ thôi việc theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; nghỉ hưu trước tuổi; nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

+ Ngoài những chế độ trên, cán bộ, công chức cấp xã tự nguyện xin thôi việc hoặc tinh giản thì được hỗ trợ thêm như sau: Cứ mỗi năm công tác ở vị trí cán bộ, công chức cấp xã thì được hưởng một lần mức lương hiện hưởng hàng tháng và phụ cấp kiêm nhiệm hiện hưởng (nếu có). Thời gian tính để hưởng chế độ thôi việc như người hoạt động không chuyên trách cấp xã nêu trên.

c) Chế độ, chính sách nêu trên được áp dụng chung cho Đề án này và Đề án sáp nhập xã, thôn, khu phố giai đoạn 2019 - 2021 và những năm tiếp theo.

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết. Trong thời gian 60 ngày làm việc tính từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, các địa phương phải hoàn thành việc sắp xếp bộ máy theo quy định.

2. Cán bộ công chức tự nguyện nghỉ việc sẽ được hỗ trợ thêm ngoài quy định của Trung ương theo Đề án.

Phần VII ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

I. TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC:

1. Thực hiện chủ trương chung theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII), sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất lao động; Đồng thời, kết hợp rà soát, đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những người làm việc kém hiệu quả.

2. Giảm số lượng công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước để chi trả lương, phụ cấp và kinh phí hoạt động thường xuyên.

3. Đổi mới phương thức chi trả chế độ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố theo hướng khoán quỹ phụ cấp hàng tháng.

II. TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN:

1. Việc bố trí lại chức danh, số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố sẽ có một bộ phận công chức, người lao động dôi dư phải bố trí công tác khác hoặc giải quyết chính sách thôi việc, có thể nảy sinh vấn đề về tư tưởng.

2. Việc giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng dôi dư sẽ tăng chi ngân sách của tỉnh.

Phần VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết:

- Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Quy định chế độ hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố dôi dư do sắp xếp lại tổ chức, nhân sự và mức trợ cấp bổ sung hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, khu phố.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Ban hành Quy định số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND cấp huyện sắp xếp xong tổ chức bộ máy cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, khu phố theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc triển khai Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan để hướng dẫn việc bố trí, sắp xếp các chức danh không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

- Theo dõi, đôn đốc việc bố trí số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố.

4. Sở Tài chính:

Hướng dẫn các địa phương lập dự toán kinh phí, chi trả chế độ và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của pháp luật.

5. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:

Nghiên cứu ban hành hoặc hướng dẫn Mặt trận, đoàn thể cấp huyện ban hành danh mục vị trí việc làm và khung năng lực vị trí việc làm của các chức danh không chuyên trách thuộc khối Mặt trận và đoàn thể cấp xã, để thuận lợi cho các địa phương nghiên cứu, bố trí sắp xếp kiêm nhiệm chức danh khi triển khai thực hiện Đề án, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ ở địa phương.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể việc thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, khu phố trình UBND cấp huyện thống nhất bằng văn bản trước khi thực hiện.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện sắp xếp, bố trí và các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố đúng quy định của pháp luật.

- Tổng hợp danh sách cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp, bố trí lại để dự toán kinh phí chi trả chế độ thôi việc sau khi tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thôi việc đối với các đối tượng này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hai